

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 17/3/2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Yên.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Lê Thị Thúy L yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết tại UBND xã B vào năm 2016, theo giấy chứng nhận số 11 ngày 31/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó, do quan điểm sống bất đồng, không thể giải quyết các mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh

T và chị L đã sống ly thân với nhau và nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị L đã làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có 01 người con chung tên là Lê Chấn H, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay anh T đang là người T tiếp nuôi con. Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

**/ Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn - anh Lê Hữu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị Thúy L kết hôn với nhau vào năm 2016. Sau khi kết hôn thì anh T và chị L chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Sau đó đến tháng 10 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do chị L làm cộng tác viên cho Trung tâm Viettel T, thời gian giờ giấc không ổn định, không có thời gian chăm sóc gia đình. Bản thân anh T là công chức xã, về nhà làm thêm ruộng nên anh T yêu cầu chị L sắp xếp công việc khác, giành thời gian nhiều hơn cho gia đình, chăm sóc con. Vì lý do này mà vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay, anh T và chị L đã sống ly thân với nhau, trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng anh T, chị L không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hiện nay anh T vẫn còn tình cảm đối với chị L nếu chị L thay đổi công việc để lo cho gia đình thì anh mong muốn về chung sống cùng chị L, nếu chị L không đồng ý thì anh T chấp nhận ly hôn

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị L có 01 người con chung tên là Lê Chấn H, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay anh T đang là người T tiếp nuôi con. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ chị Lê Thị Thúy L cung cấp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 trích lục khai sinh; chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Thúy L, sổ hộ khẩu (phô tô); 01 bảng chi tiết khoản thu nhập của cá nhân người lao động.

Anh Lê Hữu T cung cấp: 01 chứng minh nhân dân (phô tô);

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh T và chị L.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về quan hệ con chung: Chị L có nguyện vọng được quyền nuôi con Lê Chấn H, sinh năm 2017 cho đến khi thành niên. Anh T không đồng ý giao con cho chị L được quyền nuôi dưỡng mà có yêu cầu được quyền nuôi cháu H cho đến khi thành niên.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Lê Chấn H, sinh năm 2017 cho anh Lê Hữu T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Thúy L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – chị Lê Thị Thúy L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Thúy L:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

với nhau được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do không cùng chung quan điểm sống và bất đồng trong kinh tế gia đình nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Hiện nay, chị L và anh T đã sống ly thân với nhau. Thời gian này, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Cho nên, cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh T và chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T có chung một người con tên là Lê Chấn H, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay, anh T đang là người T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T và chị L đều có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng yêu cầu nuôi con của anh T và chị L hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi xem xét giao con cho người nào có trách nhiệm nuôi dưỡng thì cần phải xem xét điều kiện các bên có đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển được toàn diện về mọi mặt hay không.

Xét thấy: Từ tháng 12/2020 anh T và chị L đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian này, anh T là người T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Chấn H. Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2012 (bút lục 29) thể hiện: Anh T thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Cháu H khỏe mạnh và được chăm sóc, trông nom, ăn uống đầy đủ. Như vậy, trong thời gian này, anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H phát triển tốt về mọi mặt. Hiện nay, anh T đang công tác Ủy ban nhân dân xã B có giờ giấc và có thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa, chị L thừa nhận: Trong thời gian anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H thì chị L ngại va chạm nên không đến nhà thăm nom cháu H mà chỉ đến trường thăm con. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau. Do bận công việc nên chị L không ngủ chung cùng con, mà cháu H ngủ cùng với mẹ anh T. Sau khi mẹ anh T chết thì cháu H ngủ cùng với anh T. Từ khi sống ly thân cho đến nay thì anh T là người T tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay, chị L là nhân viên Viettel công việc chính là tìm kiếm khách hàng và thu phí internet hàng tháng. Thời gian làm việc từ 08h sáng đến 19, 20h. Đến định kỳ thu tiền internet thì chị L phải dành nhiều thời gian đi đến nhà các hộ dân để thu tiền nhằm đảm bảo số lượng doanh thu. Trong thời gian này, chị L không thể về sớm.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Lê Chấn H còn nhỏ, để cháu H có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt thì rất cần nhiều thời gian để chăm sóc. Do thời gian làm việc của chị L không ổn định; đi làm về trễ. Cho nên nếu giao con Lê Chấn H cho chị L được quyền nuôi dưỡng thì chị L không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được tốt hơn anh T. Cho nên, cần tiếp tục

giao con chung Lê Chấn H, sinh ngày 12/02/2017 cho anh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] *Về án phí:* Cần buộc chị Lê Thị Thúy L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T.

- Chị Lê Thị Thúy L và anh Lê Hữu T thuận tình ly hôn

2. Về con chung:

Tiếp tục giao cháu Lê Chấn H, sinh ngày 12/02/2017 cho anh Lê Hữu T quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Chị Lê Thị Thúy L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T; nhưng chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con; anh T không được quyền ngăn cản.

3. *Về án phí:* Chị L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh tại biên lai số 0004528, ngày 22/12/2020. Chị L nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - ngày 17/3/2021 (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã B;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên